Bạn có tự tin về lãi suất cho vay KHCN của ACB?
Bạn đang phân vân lãi suất của ACB có thực sự cạnh tranh so với các Ngân hàng khác?
Hãy xem bảng so sánh sau và nâng mức độ tự tin để bán hàng thành công:

BẢNG SO SÁNH LÃI SUẤT

Cập nhật đến 24/07/2013 - Lãi suất tính trên năm

Ngân hàng	Lãi suất chương trình ưu đãi	Phí thẩm định	Phạt trả nợ trước hạn	Lãi suất thực / năm	Sản phẩm áp dụng				
					Nhà	Xe	Tiêu dùng	SXKD	Tín chấp
MaritimeBank	8% (trong 6 tháng đầu) và 13.8% trong 6 tháng tiếp theo Triển khai đến 31/8/2013 Khoản vay <12 tháng: 10.8% (không trả nợ trước hạn)	Phí TĐTS: 2 triệu	2% x số tiền trả trước hạn. Nếu dư nợ <50% dư nợ ban đầu thì miễn phí	11%	10.90%	không	10.80%	không	chỉ áp dụng cho nhân viên MaritimeBank
Eximbank	9% (trong 3 tháng đầu và 12% trong 9 tháng tiếp theo)	Phí TĐTS: Giải ngân chuyển khoản khác địa bàn là 11.000 đồng/món.	Không áp dụng với khoản cấp HMTD	**11.25%**	**9%**	**9%**	**CCSTK 7.5-8%**	**9%**	không
BIDV	10.5% - 11.5% (Nhà: 10%trong 6 tháng đầu, 6 tháng sau là 13%) SXKD (9% trong 3 tháng đầu, từ tháng thứ 4 áp dụng 11%)	Không thu	0.03% x Số tiền trả trước x Số tháng trả trước (tối đa không quá 10 triệu)	11.50%	10%	14%	13.50%	11%	không
ACB	**10% - 12% (SXKD, nhà , xây dựng nhà: Áp dụng trong 3 tháng đầu, 9 tháng sau áp dụng biên độ 4.5%-5.5% khi thay đổi lãi suất) 11.99% áp dụng trong 3 tháng đầu (tiêu dùng vay ô tô thế chấp bằng xe mua).**	**Không thu**	**0.25% - 0.75% x Số tiền trả trước hạn**	**12.00%**	**10% / 10.99%**	**12%**	**11.99% (CCSTK 7.8 -8.3%)**	**10% / 10.99%**	**20-22% Amort 11.28-12.24% Add-on**
SacomBank	9% (trong 3 tháng đầu, 9 tháng sau 11%-13.5%) Biên độ: 2% - 2.5%	Không thu	2% - 3% trên số tiền trả trước hạn Không phạt nếu vay >= 4 năm	12.30%	9-11.5%	14.50%	14.50%	Ưu đãi nhóm KH có vòng quay vốn nhanh và các làng nghề	Tối đa 14 tháng lương - Lương tối thiểu 3 triệu - Không vượt quá 500 triệu
VIB	7.77% (trong 3 tháng đầu), áp dụng 13-14% cho 9 tháng sau. Giảm 1% suốt thời gian vay nếu nhận lương qua VIB	Phí TĐTS: 1,2 triệu/ món nếu khoản vay từ 800 triệu trở lên. Dưới 800 triệu không tính phí.	1% số tiền trả nợ trước hạn	12.45%	12-13%	12-13%	12-13%	12-13%	không
ANZ	10% điều chỉnh lãi mỗi tháng 12.5% điều chỉnh lãi hàng quý hoặc hàng 24 tháng (áp dụng với khoản vay từ 1 tỷ trở lên) 13.5% điều chỉnh mỗi 6 tháng	Phí TĐTS: 100 USD Phí bảo hiểm TS: 0.08% trên giá trị TSTĐ	Năm 1-3: 2.5% trên số tiền trả trước Năm 4: 1.5% Năm 5 trở đi: 1% Nếu số tiền đã trả trong 1 năm từ 240 triệu thì không tính phí phạt	12.50%	12-13.5%	12.50%	24.%	không	25.%
VCB	10.5% (lãi suất do đơn vị tự quyết theo thị trường)	Phí TĐTS: - Khoản vay < 2 tỷ : Không thu - Khoản vay 2 tỷ - 15 tỷ : 2 triệu.	Không thu	12.90%	12.90%	12.90%	12.90%	10.50%	không
HSBC	9.5% (thay đổi lãi hàng tháng) 10% - 11.5% (thay đổi lãi hàng 3 tháng) 14% (thay đổi lãi hàng 6 tháng)	Phí TĐTS: 1.8 triệu - 2.1 triệu (chỉ thu khi KH giải ngân) Phí bảo hiểm hỏa hoạn: 0.17% giá trị nhà trong 3 năm	1% nếu thời gian vay > 3 năm. 4% nếu thời gian vay < 3 năm. Nếu đang được giảm lãi suất mà trả nợ trước hạn thì sẽ tính lãi phần lãi đã được giảm.	13%	9.5% - 12%	Giảm 1% so với biểu hiện hành HSBC (11.25% -14%)	10% - 12.75%	10% - 12.75%	23 - 25%
VietinBank	10% (trong 3 tháng đầu từ tháng thứ 4: <5 năm: 13.3% >5 năm: 13.5% Biên độ: 4.5% - 5%	Phí TĐTS: 0.02% giá trị TSĐB 0.15% số tiền giải ngân	Cho vay mua nhà: {(a% x LS cho vay - LS huy động) x Số tiền trả x Số ngày trả trước hạn}/360. Trong đó: *a% linh hoạt do TĐV quyết định, dao động từ 40% - 60%* *Các khoản vay khác:* *2 % số tiền trả nợ trước hạn, giảm 1% nếu là KH thân thiết.*	13.85%	6-12%	12-14%	10-13%	9-12%	không
VP Bank	6% (trong 6 tháng đầu) Vay mua nhà là 9,99% (trong 9 tháng đầu)	Phí TĐTS: 770.000 - 2,2 triệu tùy giá trị khoản vay	Áp dụng phạt theo điều khoản HĐ 2-5% x Số tiền trả trước hạn	14%	14%	14%	14%	14%	**20%**
HD Bank	Khoản vay > 500 tr 0% tháng đầu tiên, 11.86% trong 11 tháng tiếp theo Khoản vay < 500 tr: 13%	Không thu	Tham gia CT ưu đãi: Phạt 2% Không tham gia CT: Phạt 1%	14.50%	11.86%	15%	14.50%	13%	không

Nhóm NH Nước Ngoài

Nhóm NH Quốc Doanh

Nhóm NH TMCP

Lãi suất thực: Chọn mức LS bình quân mà NH đang áp dụng cho sản phẩm thông dụng.

Lãi suất thực được giả định trong năm đầu tiên: LS áp dụng x Số tháng áp dụng / 12 tháng